

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

Số: 53 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Huế, ngày 15 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Frit Hương Giang tại Công văn số 46/CV-HGF ngày 22 tháng 11 năm 2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Công văn số 16/2025/CV-HGF ngày 14 tháng 3 năm 2025 về giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất men frit và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Tờ trình số 852/TTr-KKTCN ngày 11 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Frit Hương Giang, địa chỉ tại Khu B, Khu công nghiệp Phong Điền, thị xã Phong Điền, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất men frit với

các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư, cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất men frit.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN07, Khu B, Khu công nghiệp Phong Điền, thị xã Phong Điền, thành phố Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án số 1322024064, được Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chứng nhận lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2019.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 3301642694, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 01 năm 2019.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích sử dụng đất: 36.700 m².

- Quy mô công suất: 20.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý và đấu nối nước thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Frit Hương Giang có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND thị xã Phong Điền;
- Công ty Cổ phần Frit Hương Giang;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53/GPMT-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Bụi, khí thải phát sinh tại Cơ sở từ các nguồn sau:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh tại lò nung số 1.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại lò nung số 2.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh tại lò sấy số 1.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh tại lò sấy số 2.
- Nguồn số 05: Khí thải sau các thiết bị xử lý bụi từ số 2 đến số 9.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

Cơ sở có 05 dòng khí thải phát sinh sau xử lý xả thải vào môi trường, bao gồm:

- Dòng khí thải tại lò nung số 1.
- Dòng khí thải tại lò nung số 2.
- Dòng khí thải tại lò sấy số 1.
- Dòng khí thải tại lò sấy số 2.
- Dòng khí thải tại thiết bị xử lý bụi từ số 2 đến số 9.

2.2. Vị trí xả thải: Tại 04 ống khói và 01 ống thải

Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi
chiều 3⁰):

STT	Vị trí	Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107, múi chiều 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
1	Ống khói lò nung số 1	1.836.167,65	539.587,49
2	Ống khói lò nung số 2	1.836.156,85	539.588,65
3	Ống khói lò sấy số 1	1.836.160,13	539.518,53

4	Ống khói lò sấy số 2	1.836.153,16	539.518,97
5	Ống thải sau các thiết bị xử lý bụi từ số 2 đến số 9	1.836.176,74	539.577,86

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất khoảng 43.600 m³/giờ, trong đó:

- Khí thải phát sinh tại lò nung số 1 với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 14.800 m³/giờ;
- Khí thải phát sinh tại lò nung số 2 với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 14.800 m³/giờ;
- Khí thải phát sinh tại lò sấy số 1 với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 4.700 m³/giờ;
- Khí thải phát sinh tại lò sấy số 2 với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 4.100 m³/giờ;
- Khí thải sau các thiết bị xử lý bụi từ số 2 đến số 9 với lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 5.200 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, liên tục trong thời gian hoạt động.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải đảm bảo QCVN 19: 2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C của cột B; hệ số $K_p=0,9$ và $K_v=1,0$).

- Khí thải phát sinh sau lò nung, lò sấy

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/m ³	180	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan liên quan có thẩm quyền	Không
2	CO	mg/m ³	900		
3	SO ₂	mg/m ³	450		
4	NO _x (theo NO ₂)	mg/m ³	765		

- Khí thải phát sinh sau thiết bị xử lý bụi

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
-----	--------------	-------------	---------------------------	----------------------------	--------------------------------------

1	Bụi tổng	mg/m ³	180	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan liên quan có thẩm quyền	Không
---	----------	-------------------	-----	--	-------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải tại các công đoạn sản xuất

Chủ cơ sở đã lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi tại các điểm phát sinh bụi trong các công đoạn sản xuất, bụi được thu gom bằng các chụp hút bụi dẫn vào các đường ống có đường kính từ D110mm - D140mm để dẫn đến máy hút bụi để lọc bụi. Tại máy hút bụi, không khí lẫn bụi đi qua túi lọc bụi, các hạt bụi lớn hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc. Bụi từ túi lọc được gỡ bỏ bởi lực nén của khí nén vào trong lòng túi lọc (*thông qua hệ thống van điện từ và bình tích khí nén*) áp suất khoảng 4 bar. Van khí nén được mở làm khí nén được nén vào túi lọc thông qua đường ống định vị ở bên trên mỗi hàng túi lọc, túi lọc bị phồng ra và rung mạnh làm bụi rơi ra khỏi bề mặt bên ngoài của túi, bụi rơi vào phễu gom và được thu hồi tái sử dụng làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất. Bụi từ các máy hút bụi từ số 2 đến số 9 được thu gom chung vào 1 đường ống kẽm D400 dài 30m xả thải ra môi trường. Bụi từ máy hút bụi số 1 tại hệ sấy nghiền được đầu nối vào ống khói lò sấy số 1. Lưu lượng thải tại ống khói của lò sấy số 1 là 4.700m³/giờ, bao gồm một phần lưu lượng khí thải tận dụng từ lò nung số 01 để sấy nguyên liệu (4.100m³/giờ) và lưu lượng khí thải sau khi xử lý tại máy lọc bụi số 01 đầu nối (600m³/giờ).

Số lượng máy hút bụi đã được chủ cơ sở lắp đặt để thu gom tại các điểm phát thải bên trong nhà máy là 09 máy. Quá trình vận hành, chủ cơ sở không sử dụng hóa chất để xử lý.

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi tại trạm khí hóa than

Bụi, khí thải phát sinh tại trạm khí hóa than được xử lý bằng hệ thống Cyclon trước khi dẫn khí vào đốt ở lò nung frit. Cyclon không có cấu tạo thân hình trụ và đáy hình chóp, dòng không khí nóng chứa bụi theo đường ống dẫn vào Cyclon theo hướng tiếp tuyến với thân hình trụ, tại đây dòng không khí chứa bụi chuyển động theo hình xoắn ốc, dưới tác dụng của lực ly tâm bụi được tách ra khỏi dòng không khí lắng xuống đáy và rơi vào buồng chứa bụi. Không khí nóng được tách bụi chuyển động lên trên và đi ra ngoài Cyclon. Chất thải lắng ở buồng chứa chính là tro bay, được thu gom về kho chứa xỉ than.

Chủ cơ sở lắp đặt 01 thiết bị Cyclon với vật liệu thép tiền chế có thông số kỹ thuật với chiều cao là 07m, buồng lắng với chiều cao 04m, thân buồng cao 04m, buồng xử lý có đường kính D2100. Quá trình vận hành, chủ cơ sở không sử dụng hóa chất để xử lý.

1.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải tại lò nung và sấy

Chủ cơ sở lắp đặt 02 lò nung với kết cấu và quy trình hoạt động hoàn toàn giống nhau. Nhiên liệu được cấp cho hoạt động của lò nung là khí thu được từ trạm khí hóa than. Khí được cấp đến lò nung qua buồng trao đổi nhiệt. Buồng trao đổi nhiệt có hệ thống gạch gốm xếp zích zắc nên bụi thải bị va đập và tích tụ dưới hệ thống trao đổi nhiệt, lượng bụi này khi làm vệ sinh thu hồi lại để đưa vào làm nguyên liệu để nấu frit. Ngoài ra, buồng trao đổi nhiệt có chức năng hạ nhiệt khí thải, lắng bụi, giảm hàm lượng CO, SO₂, NO_x. Khí thải một phần theo 02 ống khói lò nung xả ra môi trường không khí (mỗi ống có chiều cao 16m, đường kính D600). Phần còn lại được dẫn qua lò sấy rồi qua hệ thống Cyclon. Cyclon có cấu tạo thân hình trụ và đáy hình chóp, dòng khí thải chứa bụi theo đường ống dẫn vào Cyclon theo hướng tiếp tuyến với thân hình trụ. Dòng khí thải chuyển động theo hình xoắn ốc, dưới tác dụng của lực ly tâm, bụi được tách ra khỏi dòng khí lắng xuống đáy và rơi vào buồng chứa bụi. Khí thải sau đó theo ống khói lò sấy ra ngoài môi trường. Bụi lắng ở buồng chứa định kỳ sẽ thu gom tái sử dụng làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất.

Chủ cơ sở lắp đặt 02 thiết bị Cyclon tại 02 lò sấy có thông số kỹ thuật với chiều cao là 5,5m, buồng lắng với chiều cao 04m, công suất quạt hút khói là 4 kW. Chiều cao 02 ống khói của 02 lò sấy là 6m, có đường kính D400. Quá trình vận hành, chủ cơ sở không sử dụng hóa chất để xử lý.

Khí thải sau khi ra khỏi 02 ống khói lò nung (*lò nung số 1 và lò nung số 2*) và 02 ống khói lò sấy (*lò sấy số 1 và lò sấy số 2*) đạt QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (*giá trị C của cột B; hệ số $K_p=0,9$ và $K_v=1,0$*).

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp;
- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, hướng dẫn của nhà cung cấp;
- Bố trí cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: Hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo

chất lượng theo yêu cầu ,... ; bố trí nhân viên kiểm tra hệ thống lò hơi, đường ống dẫn khí. Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm khoảng 06 tháng, kể từ khi được cấp giấy phép môi trường.

Trước khi bắt đầu quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo, gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về môi trường (*Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND thị xã Phong Điền*) để kiểm tra, giám sát theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý khí thải lò nung số 1.
- Hệ thống xử lý khí thải lò nung số 2.
- Hệ thống xử lý khí thải lò sấy số 1.
- Hệ thống xử lý khí thải lò sấy số 2.
- Thiết bị lọc bụi (*máy lọc bụi từ số 2 đến số 9*).

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí 1: Tại ống khói lò nung số 1.
- Vị trí 2: Tại ống khói lò nung số 2.
- Vị trí 3: Tại ống khói lò sấy số 1.
- Vị trí 4: Tại ống khói lò sấy số 2.
- Vị trí 5: Tại ống thải sau các thiết bị xử lý bụi.

(*Theo tọa độ được cấp phép xả thải tại Phần A của Phụ lục này*).

2.4. Thông số chính và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

- Vị trí 1 đến vị trí 4: Lưu lượng, bụi tổng, SO₂, CO, NO_x (*tính theo NO₂*).
- Vị trí 5: Lưu lượng, bụi tổng.

2.5. Tần suất lấy mẫu: Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (*trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo*). Loại mẫu: Mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A nêu trên trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ VÀ TUẦN HOÀN, TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. THÔNG TIN VỀ NƯỚC THẢI CỦA CƠ SỞ

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh tay chân, bệ xí, bệ tiêu.
- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ nhà ăn.
- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn nước tiếp nhận

Toàn bộ nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại hệ thống xử lý nước thải cục bộ của cơ sở được chủ cơ sở tự xử lý, dẫn về bể chứa nước tuần hoàn nhằm tái sử dụng cho hoạt động sản xuất.

2.2. Vị trí xả nước thải

Chủ cơ sở tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải vào môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ VÀ TUẦN HOÀN, TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

Tất cả các nguồn phát sinh nước thải tại cơ sở được thu gom bằng hệ thống đường ống uPVC. Nước thải sinh hoạt (*Nước rửa tay chân được tách rác sơ bộ; nước thải tại các bồn xí, bồn tiểu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn; nước thải từ nhà ăn được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ*) và nước thải sản xuất (*Nước thải từ phòng thí nghiệm*) được dẫn vào bể lắng, lọc. Ngăn lắng thực hiện 2 chức năng gồm: lắng và phân hủy cặn lắng. Sau đó, nước thải được dẫn qua ngăn lọc, tại ngăn lọc được bố trí đá sỏi, cát, than hoạt tính để loại bỏ các chất rắn lơ lửng còn lại trong nước. Nước thải sau xử lý được bơm dẫn về bể chứa nước tuần hoàn sản xuất bằng đường ống PVC D42 dài 80m. Nước thải phát sinh tại công đoạn tạo hạt được thu gom bằng ống inox D350 dài 100m đến bể chứa nước tuần hoàn sản xuất, không xả thải ra môi trường.

Chủ cơ sở phải đảm bảo tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom nước thải và hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở, đảm bảo nước thải được thu gom, xử lý

và tái sử dụng triệt để. Tuyệt đối không phát sinh bất kỳ điểm xả, điểm đầu nổi nước thải so với Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Chủ cơ sở xây dựng 02 bể tự hoại tại khu vực nhà văn phòng có kết cấu bằng bê tông, cốt thép chống thấm (*với kích thước mỗi bể: 3,0 m x 1,6 m x 2,3 m*). Chủ cơ sở phải thuê đơn vị có chức năng để định kỳ thu gom và vận chuyển phân cặn lắng, xử lý theo đúng quy định.

Chủ cơ sở sử dụng 01 bể tách dầu mỡ có kết cấu BTCT (*với kích thước: 1,5m x 1,4m x 1m*). Nước thải từ nhà ăn được thu gom đến bể tách dầu mỡ. Sau khi tách dầu mỡ, phần nước thải ở dưới cùng được dẫn đến bể lắng, lọc để tiếp tục xử lý.

Chủ cơ sở xây dựng 01 bể lắng lọc có kết cấu BTCT (*với kích thước: 6,9m x 2,7m x 2,4m*). Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ được dẫn vào bể lắng, lọc. Ngăn lắng thực hiện 2 chức năng lắng và phân hủy cặn lắng. Phần cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Sau đó, nước thải được dẫn qua ngăn lọc, tại ngăn lọc được bố trí đá sỏi, cát, than hoạt tính để loại bỏ các chất rắn lơ lửng còn lại trong nước. Nước thải sau xử lý được bơm vào bể chứa nước tuần hoàn, tái sản xuất.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển và sản xuất của cơ sở.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực sản xuất trong khuôn viên nhà máy của cơ sở.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27: 2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	55	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung

Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	60	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc tại khu vực sản xuất.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị; kiểm tra độ mòn chi tiết, tiến hành bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời.

- Bố trí các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh tình trạng các máy hoạt động cùng một lúc để giảm tác động cộng hưởng tiếng ồn.

- Bố trí phương tiện giao thông ra vào Nhà máy hợp lý, tránh trường hợp nhiều phương tiện ra vào cùng thời điểm gây ách tắc giao thông dẫn đến mức ồn gia tăng.

- Hạn chế sử dụng còi xe đối với các xe vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm và các loại xe ô tô ra vào Nhà máy.

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên cơ sở để hạn chế tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của
UBND thành phố Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	16 01 12
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	300	18 02 01
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	17 02 03
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	20	18 01 02
Tổng			375	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải rắn thông thường	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Xỉ than	04 02 01	350.000	Rắn
2	Bụi thu gom từ công trình, thiết bị xử lý bụi	06 02 04	1.200	Rắn
3	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý (bao bì mềm, giấy nilong,...)	18 01 05	1.500	Rắn
4	Sỏi, cát, than hoạt tính tại bể xử lý nước thải	-	200	Rắn
Tổng cộng			352.700	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 3.000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong các thùng sắt loại 200 lít có dán nhãn phân biệt, mã chất thải nguy hại, ký hiệu cảnh báo (*Số lượng: 4 thùng*).

- Không thu gom lẫn lộn các loại chất thải nguy hại trong quá trình lưu giữ.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Kho lưu giữ CTNH có diện tích 09 m². Chủ cơ sở phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ cơ sở rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực để vận chuyển, xử lý.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Chủ cơ sở phải tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành các nhóm khác nhau để tái chế, tái sử dụng hoặc chuyển giao để xử lý theo quy định tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (*nay là thành phố Huế*). Bố trí bao bì/thiết bị lưu chứa phù hợp với các nhóm chất thải sinh hoạt sau khi đã phân loại.

- Tại khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, khuôn viên Cơ sở: Bố trí 9 thùng HPDE (*120 lít/thùng*).

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Chất thải rắn sinh hoạt được tập kết về khu vực chứa rác thải sinh hoạt phía Đông Bắc Nhà máy.

- Chủ cơ sở phải hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ cơ sở rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Xi than: Chủ cơ sở đã xây dựng kho chứa than và xỉ than diện tích khoảng 810 m², trong đó khu vực chứa xỉ than có diện tích 150 m² đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định để lưu chứa xỉ than (*có mái che kín mưa, có cao độ nền đảm bảo tránh nước mưa từ bên ngoài vào, ...*). Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom toàn bộ xỉ than.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác: Bụi thu gom từ công trình, thiết bị xử lý bụi, chủ cơ sở tiến hành thu gom và tái sử dụng để làm nguyên liệu sản xuất. Đối với bao bì mềm, giấy ni lông, ... được thu gom, tái sử dụng 100% để đựng thành phẩm. Đối với sỏi, cát, than hoạt tính tại bể xử lý nước thải, chủ cơ sở cam kết hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo đúng quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát trong quá trình hoạt động của cơ sở được thu gom và xử lý, không thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy, bể bơm nước cứu hỏa;
- Định kỳ tổ chức tập huấn phương án chữa cháy cho CBCNV;
- Định kỳ kiểm tra các thiết bị điện, vận hành máy móc đúng quy trình, các kho chứa nguyên liệu, phế liệu phải thông thoáng, gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ;
- Khi có cháy nổ xảy ra, lập tức báo ngay cho lực lượng PCCC để kịp thời ứng cứu.

2. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố tại hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công nhân kiến thức về phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ khí thải và biện pháp sơ cứu, cấp cứu khi xảy ra sự cố;
- Bố trí cán bộ, công nhân kiểm tra hệ thống lò nung, lò sấy, đường ống dẫn khí, các thiết bị xử lý bụi tại mỗi ca làm việc;
- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lò nung, lò sấy, đường ống dẫn khí, các thiết bị xử lý bụi theo định kỳ;
- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo đạt chất lượng theo yêu cầu, ...;
- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Tăng cường công tác vệ sinh nhà xưởng *(tại các nhà xưởng, sân bãi, dọc các tuyến đường đi,...)*. Thường xuyên nạo vét, vệ sinh, khơi thông hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thoát nước mưa của cơ sở. Tuyệt đối không có bất cứ hoạt động xả nước thải ra môi trường hoặc xả ra bên ngoài khuôn viên cơ sở dưới mọi hình thức. Đảm bảo tuân thủ tuyệt đối việc xử lý, tuần hoàn toàn bộ các loại nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường *(đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)*; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường *(đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

4. Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi cơ sở. Có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát; xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi cơ sở.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm *(trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường)* hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở phải tuân thủ xử lý khí thải từ hệ thống lò nung, lò sấy, đã được cấp phép đảm bảo đạt quy định trước khi xả ra

môi trường; thực hiện quan trắc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. Đảm bảo bố trí đầy đủ sàn thao tác, điểm (*cửa*) lấy mẫu khí thải phục vụ việc lấy mẫu đối với quan trắc định kỳ và quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện thủ tục xin cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường nếu thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường./.